HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

TỜ SỐ:1/3

Toạ độ	X:		
	Y:		
CÔNG TRÌNH	NHÀ Ở GIA ĐÌNH	Hố khoan	HK1
ĐỊA ĐIỂM	SỐ 53, PHỐ CHI LĂNG, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG	Cao độ (m)	0.2
ĐƠN VỊ KHẢO SÁT	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH ĐÔNG PHƯƠNG	Mực n.d.đất (m)	2.5
NGƯỜI LẬP	NGUYỄN QUANG NAM	Ngày bắt đầu 12/03/2021	Độ sâu (m) 45.0
NGƯỜI KIỂM TRA	LÊ VĂN THÁI	Ngày kết thúc 12/03/2021	

Cột tỷ lệ	Cột địa tầng	Lớp	Bề dày (m)	Độ sâu (m)	Cao độ (m)	MÔ TẢ CÁC LỚP ĐẤT	Mẫu và thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT			
							Ký hiệu	Độ sâu (m)	Giá trị SPT	Biểu đồ SPT (N30)
1		1	2.3			Đất lấp: Gạch vụn, cát lấp lẫn tạp chất.				
2				2.3	-2.1					
3		2	0.9	3.2	-3.0	Sét pha, màu xám nâu, xám ghi, trạng thái dẻo chảy.	M1 SPT1	2.4-2.6 2.6-3.05	2/2/2 *N30=4*	4
4		3	4.1			Bùn cát pha, màu xám đen.	M2 SPT2	4.4-4.6 4.6-5.05	1/1/1 *N30=2*	2
5										
6							M3 SPT3	6.5-6.7 6.7-7.15	1/1/2 *N30=3*	3
7				7.3	-7.1					
8		4	5.9			Bùn sét pha, màu xám đen, xám ghi.	M4 SPT4	8.5-8.7 8.7-9.15	1/1/1 *N30=2*	2
9										
10							M5 SPT5	10.0-10.2 10.2-10.65	1/1/2 *N30=3*	3
11										
12							M6 SPT6	12.5-12.7 12.7-13.15	1/1/1 *N30=2*	2
13				13.2	-13.0					
14		5	6.3			Cát mịn, màu xám ghi, trạng thái xốp đến chặt vừa.				
15							M7 SPT7	15.0-15.45	2/3/6 *N30=9*	9
16										
17										
18							M8 SPT8	18.0-18.45	5/6/8 *N30=14*	14
19				19.5	-19.3					
20		6	14.6			Bùn sét pha, màu xám đen, xám ghi.				

GHI CHÚ: ▮ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ◆ Biểu đồ giá trị N30 —▼— Mực nước dưới đất

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

TỜ SỐ:2/3

Toạ độ	X:		
	Y:		
CÔNG TRÌNH	NHÀ Ở GIA ĐÌNH	Hố khoan	HK1
ĐỊA ĐIỂM	SỐ 53, PHỐ CHI LĂNG, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG	Cao độ (m)	0.2
ĐƠN VỊ KHẢO SÁT	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH ĐÔNG PHƯƠNG	Mực n.d.đất (m)	2.5
NGƯỜI LẬP	NGUYỄN QUANG NAM	Ngày bắt đầu 12/03/2021	Độ sâu (m) 45.0
NGƯỜI KIỂM TRA	LÊ VĂN THÁI	Ngày kết thúc 12/03/2021	

Cột tỷ lệ	Cột địa tầng	Lớp	Bề dày (m)	Độ sâu (m)	Cao độ (m)	MÔ TẢ CÁC LỚP ĐẤT	Mẫu và thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT			
							Ký hiệu	Độ sâu (m)	Giá trị SPT	Biểu đồ SPT (N30)
21							M9	20.5-20.7		
							SPT9	20.7-21.15	1/1/2 N30=3	3
22										
23							M10	23.0-23.2		
							SPT10	23.2-23.65	1/1/2 N30=3	3
24										
25										
26							M11	25.5-25.7		
							SPT11	25.7-26.15	1/1/2 N30=3	3
27		6	14.6			Bùn sét pha, màu xám đen, xám ghi.				
28							M12	28.0-28.2		
							SPT12	28.2-28.65	1/1/1 N30=2	2
29										
30										
31							M13	30.5-30.7		
							SPT13	30.7-31.15	1/1/2 N30=3	3
32										
33							M14	33.0-33.2		
							SPT14	33.2-33.65	1/2/2 N30=4	4
34				34.1	-33.9					
35		7	2.0			Cát pha, màu xám ghi, trạng thái dẻo.	M15	35.0-35.2		
							SPT15	35.2-35.65	3/4/5 N30=9	9
36				36.1	-35.9					
37							M16			
							SPT16	37.0-37.45	10/14/18 N30=32	32
38		8	6.5			Cát mịn, màu xám ghi, xám vàng, trạng thái chặt.				
39							M17			
							SPT17	39.0-39.45	12/16/21 N30=37	37
40										

GHI CHÚ: ▮ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ◆ Biểu đồ giá trị N30 —▼— Mực nước dưới đất

HÌNH TRỤ HỐ KHOAN

TỜ SỐ:3/3

Toạ độ	X:		
	Y:		
CÔNG TRÌNH	NHÀ Ở GIA ĐÌNH	Hố khoan	HK1
ĐỊA ĐIỂM	SỐ 53, PHỐ CHI LĂNG, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG	Cao độ (m)	0.2
ĐƠN VỊ KHẢO SÁT	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT VÀ KIỂM ĐỊNH ĐÔNG PHƯƠNG	Mực n.d.đất (m)	2.5
NGƯỜI LẬP	NGUYỄN QUANG NAM	Ngày bắt đầu 12/03/2021	Độ sâu (m) 45.0
NGƯỜI KIỂM TRA	LÊ VĂN THÁI	Ngày kết thúc 12/03/2021	

Cột tỷ lệ	Cột địa tầng	Lớp	Bề dày (m)	Độ sâu (m)	Cao độ (m)	MÔ TẢ CÁC LỚP ĐẤT	Mẫu và thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT			
							Ký hiệu	Độ sâu (m)	Giá trị SPT	Biểu đồ SPT (N30)
41		8	6.5			Cát mịn, màu xám ghi, xám vàng, trạng thái chặt.	M18 SPT18	41.0-41.45	13/18/20 *N30=38*	10 20 30 40 50
42				42.6	-42.4					
43		9	2.4			Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm.				
44							M19	44.2-44.4		
45				45.0	-44.8		SPT19	44.4-44.85	2/2/3 *N30=5*	
46										
47										
48										
49										
50										
51										
52										
53										
54										
55										
56										
57										
58										
59										
60										

GHI CHÚ: ▮ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ◆ Biểu đồ giá trị N30 ——▼—— Mực nước dưới đất